TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Q** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 892/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19.9.2019
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Khổng Lan Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ron

2. Bà Hoàng Thị Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nương là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 413/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2019/QĐXX-ST ngày 8 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2019/QĐST- DS ngày 30 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Trần Gia Th, sinh năm: 1995

Địa chỉ: Tổ 32, KV 6, phường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

2. Bị đơn: Anh Lê Tôn Hoàng H, sinh năm: 1992

Địa chỉ: Tổ 21, KV 4, phường G, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Tại phiên tòa chị Th có mặt, anh H vắng mặt lần 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 5 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Trần Gia Th trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Tôn Hoàng H tự nguyện tìm hiểu trong thời gian 2 năm và đăng ký kết hôn vào ngày 04/02/2014 tại UBND phường G, thành phố Q. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H ham chơi số đề, không lo làm việc và là người sống không có trách nhiệm với vợ con. Ngoài ra giữa chị và mẹ anh H cũng thường xuyên mâu thuẫn, mẹ chồng chị suốt ngày kiếm chuyện để la mắng và nói anh H phải ly hôn chị. Chị đã im lặng chịu đựng để trong nhà được êm ấm nhưng tình hình vẫn không thay đổi nên chị về nhà mẹ ruột ở từ tháng 8/2017 cho đến nay. Chị thấy tình cảm giữa chị và anh H không còn nên yêu cầu được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Kế Thanh Tr, sinh ngày 05/9/2014, sức khỏe bình thường, hiện nay cháu đang ở với mẹ. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Kế Thanh Tr, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại bản khai ngày 21 tháng 5 năm 2019, bị đơn anh Lê Tôn Hoàng H trình bày:

Anh và chị Th tự nguyện kết hôn vào ngày 04/02/2014 tại UBND phường phường G, thành phố Q. Vợ chồng vẫn sống hạnh phúc bình thường đến khi chị H sinh con được 3 tháng thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị Th không hợp với mẹ anh nên hai bên thường xuyên kình cãi. Sau đó vợ chồng ra ngoài sống một thời gian thì về lại nhà mẹ anh sống nhưng giữa chị Th và mẹ anh vẫn xảy ra mâu thuẫn. Hiện nay vợ chồng anh đã sống ly thân. Anh vẫn còn tình cảm với chị Thy nên không đồng ý ly hôn vì con anh còn nhỏ nếu ly hôn sẽ thiếu thốn tình cảm của cha mẹ.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Lê Kế Thanh Trung, sinh ngày 05/9/2014, hiện nay cháu đang ở với mẹ. Ly hôn anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

+ Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q phát biểu việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lê Trần Gia Th đối với anh Lê Tôn Hoàng H.

- Về con chung: Giao cháu Lê Kế Thanh Tr cho chị Lê Trần Gia Th nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí: Chị Lê Trần Gia Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Trần Gia Th có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn với anh Lê Tôn Hoàng H trú tại địa chỉ: Tổ 21, khu vực 4, phường G, thành phố Q, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Q theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Lê Tôn Hoàng H để tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H không đến Tòa. Trước khi xét xử, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt, thông báo

các văn bản tố tụng hợp lệ đối với anh H nhưng anh H vẫn không có mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Tôn Hoàng H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Trần Gia Th và anh Lê Tôn Hoàng H đăng ký kết hôn vào ngày 04/02/2014 tại Ủy ban nhân dân phường G, thành phố Q trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh H là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, chị Th và anh H sống hạnh phúc được hơn 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H ham chơi số đề, không lo làm việc, không có trách nhiệm với vợ con; bên cạnh đó chị Th và mẹ anh H lại không hợp nhau thường xuyên mâu thuẫn. Chị Th đã nhiều lần tâm sự với anh H về mối quan hệ giữa mẹ chồng và nàng dâu nhưng anh H vẫn không có biện pháp gì để cải thiện mối quan hệ này, từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng nhạt dần. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, chị Th không còn tình cảm với anh H nên cương quyết xin ly hôn anh Hiếu. Anh Hiếu cũng thừa nhận giữa chị Th và mẹ anh có nhiều mâu thuẫn do cả hai không hợp nhau tuy nhiên anh không đồng ý ly hôn vì không muốn con thiếu thốn tình cảm của cha mẹ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Th và anh H đã sống ly thân một thời gian dài, tình cảm, trách nhiệm đối với nhau không còn. Mặc dù anh H không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm với chị Th nhưng từ sau khi chị Th dẫn con về nhà mẹ ruột sống, anh H không đến thăm hỏi mẹ con chị Th, Tòa án tiến hành hòa giải anh cũng không đến Tòa làm việc điều đó chứng tỏ anh không có thiện chí để vợ chồng đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình. Như vậy, giữa chị Th và anh H không còn tình yêu thương, sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, chị Th yêu cầu ly hôn anh H là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Lê Trần Gia Th và anh Lê Tôn Hoàng H có một con chung tên Lê Kế Thanh Tr, sinh ngày 05/9/2014. Chị Th yêu cầu được nuôi cháu Trung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về phía anh H mặc dù anh không đồng ý ly hôn chị Th nhưng anh vẫn chấp nhận cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng. Xét thấy: Từ sau khi chị Th và anh H ly thân đến nay, cháu Tr vẫn ở với chị Th và do một mình chị chăm sóc, nuôi dưỡng; đồng thời cháu Tr còn nhỏ rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ, chị Th lại có công việc và thu nhập ổn định đủ điều kiện để chăm sóc cháu Tr. Về phía anh H mặc dù không nêu ý kiến sau ly hôn con

sẽ ở với ai nhưng anh vẫn chấp nhận cấp dưỡng nuôi cháu Tr 3.000.000 đồng/tháng chứng tỏ anh cũng đồng ý để chị Th nuôi cháu Tr. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Lê Kế Thanh Tr cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Th không yêu cầu nên Tòa không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung: Chị Lê Trần Gia Th và anh Lê Tôn Hoàng H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[2.6] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lê Trần Gia Th được ly hôn anh Lê Tôn Hoàng H.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cháu Lê Kế Thanh Tr, sinh ngày 05/9/2014 cho chị Lê Trần Gia Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không bên nào được ngăn cản.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Trần Gia Th không yêu cầu nên Tòa không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Lê Trần Gia Th và anh Lê Tôn Hoàng H không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Trần Gia Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001367 ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND thành phố Q;
- Chi cục THADS thành phố Q;
- UBND phường G;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khổng Lan Hương